TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Đỗ Ngọc Quý

. Ông Hồ Quang Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuân Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 553/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 48/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 55/2026/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim L - sinh năm: 1987; Trú tại: Tổ dân phố số A, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thành P - sinh năm: 1986; Trú tại: Thôn Q, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 25 tháng 8 năm 2025, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2026 nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Lê Thành P tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 07/6/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên giữa vợ chồng thường xảy ra xích mích, cải vã. Từ năm 2017 đến nay, bà L và ông P đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc ai. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu xin được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là:

Lê Nhật N - sinh ngày 20 tháng 7 năm 2013

Lê Như Q - sinh ngày 29 tháng 7 năm 2011

Bà L yêu cầu khi vợ chồng ly hôn thì được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Lê Nhật N - sinh ngày 20 tháng 7 năm 2013 và Lê Như Q - sinh ngày 29 tháng 7 năm 2011 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Lê Thành P đến Tòa để trình bày ý kiến về việc bà L khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông P đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai của ông P, không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L yêu cầu ly hôn với ông P - hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, phường N, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa. Bị đơn ông P đã được Tòa án nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn ông P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của bà L và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa bà Trần Thị Kim L và ông Lê Thành P là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 27 ngày 07 tháng 6 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của bà L, biên bản xác minh thì vợ chồng bà L, ông P hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng ông P đều không có mặt, chứng tỏ ông P không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bà L và ông P theo bà L trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và do ông P đam mê bài bạc nên vợ chồng thường xảy ra xích mích, cải vã. Vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà L.

[3] Về con chung: Bà L, ông P có 02 (hai) con chung là Lê Nhật N - sinh ngày 20 tháng 7 năm 2013 và Lê Như Q - sinh ngày 29 tháng 7 năm 2011 hiện đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu khi vợ chồng ly hôn thì được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Con chung hiện đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N và cháu Q yêu cầu được sống chung với mẹ, vì vậy việc giao cho bà L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà L. Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị đơn ông P mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông P.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim L được ly hôn với ông Lê Thành P.

2. Về con chung: Giao cho bà L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung là Lê Nhật N - sinh ngày 20 tháng 7 năm 2013 và Lê Như Q - sinh ngày 29 tháng 7 năm 2011 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà L, ông P có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004484 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa ;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân phường Ninh Hoà (Giấy chứng nhận kết hôn số 27, cấp ngày 07/6/2011);
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Hòa Thanh